

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2023/DSST
Ngày 10-5-2023
V/v tranh chấp hợp đồng gửi
tài sản và hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Hiền

2. Ông Võ Quốc Tứ

- Thư ký Tòa án: Ông Nguyễn Văn Chính – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk R'Lấp tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Giáp – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 108/2022/TLST-DS, ngày 18 tháng 10 năm 2022, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 13/2023/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn 14, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Thôn 9, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Văn S, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Thôn 9, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Có mặt.

Ông Ngô Xuân T, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn 14, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08-6-2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày:

Bà là em ruột của bà Nguyễn Thị H2, vào các năm 1993, 1994, 1995 bà từ quê vào sinh sống tại nhà bà Nguyễn Thị H2 để đi làm thuê, quá trình đi làm bà có tích góp và gửi cho bà Nguyễn Thị H2 tổng số tiền 2.500.000 đồng, sau đó bà và bà H2 thỏa thuận số tiền bà gửi cho bà H2 quy ra thành 05 chỉ vàng 9999; cũng trong năm 1995 ông Lê Văn S là chồng của bà Nguyễn Thị H2 mượn của bà 01 đôi bông tai bằng vàng, trọng lượng 01 chỉ, loại vàng 9999; khi bà gửi tiền và cho mượn vàng do là người nhà với nhau nên các bên không viết giấy tờ, không có ai chứng kiến và cũng không ấn định thời gian trả vàng. Đến năm 2020 bà đã nhiều lần yêu cầu bà H2 trả cho bà 06 chỉ vàng 9999 nhưng bà H2 cố tình không trả vàng cho bà.

Nay bà Nguyễn Thị H1 khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H2 phải trả cho bà 06 chỉ vàng 9999.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị H2 trình bày:

Bà là chị ruột của bà Nguyễn Thị H1, vào các năm 1993, 1994, 1995, 1996 bà Nguyễn Thị H1 từ tỉnh Thanh Hóa vào nhà bà sinh sống và đi làm thuê, gia đình bà nuôi bà H1 ăn, ở tại nhà bà, đến khoảng tháng 3 năm 1996 thì bà H1 đi lấy chồng. Khi sinh sống với gia đình bà thì bà H1 không gửi tiền hay gửi vàng gì cho bà. Chỉ có một lần, vào khoảng tháng 11/1995 do cần tiền để mua ông tước nên vợ chồng bà có mượn của bà Nguyễn Thị H1 01 đôi bông tai bằng vàng, bà không biết đó là loại vàng gì và trọng lượng bao nhiêu, sau đó bà đã bán đôi bông tai được hơn 400.000 đồng, đến tháng 3/1996 khi bà bà Nguyễn Thị H1 đi lấy chồng thì bà đã trả số đôi bông tai bằng vàng cho bà H1. Khi bà mượn vàng và trả vàng cho bà H1 thì không có ai chứng kiến và cũng không viết giấy tờ.

Nay bà Nguyễn Thị H1 khởi kiện yêu cầu bà và ông Lê Văn S trả 06 chỉ vàng 9999 thì bà không đồng ý, vì bà H1 không gửi tiền hay vàng gì cho bà, đối với đôi bông tai bà mượn của bà H1 thì bà đã trả khi bà H1 đi lấy chồng.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn S trình bày:

Ông là chồng của bà Nguyễn Thị H2, quá trình bà Nguyễn Thị H1 sinh sống tại nhà ông, ông không nghe và không thấy việc bà H1 có gửi tiền hay gửi vàng gì cho vợ ông, vào tháng 11/1995 vợ chồng ông có mượn của bà Nguyễn Thị H1 01 đôi bông tai bằng vàng, mục đích để bán lấy tiền mua ông tước phục vụ sản xuất. Ông chỉ nghe vợ ông nói có mượn của bà H1 01 đôi bông tai bằng vàng, còn đặc điểm đôi bông tai như thế nào, là loại vàng gì và trọng lượng bao nhiêu thì ông không rõ, khi bà H1 đi lấy chồng thì vợ chồng ông đã trả đôi bông tai bằng vàng cho bà H1.

Nay bà Nguyễn Thị H1 khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả 06 chỉ vàng 9999 thì ông không đồng ý, vì bà H1 không gửi tiền hay vàng cho bà H2, đối với đôi bông tai bà H2 mượn của bà H1 thì vợ chồng ông đã trả cho bà H1 khi bà H1 đi lấy chồng.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Xuân T trình bày:

Ông là chồng của bà Nguyễn Thị H1, việc bà H1 có gửi vàng cho bà Nguyễn Thị H2 và cho vợ, chồng bà H2 có mượn vàng hay không thì ông không biết và không chứng kiến, sau khi ông kết hôn với bà H1 thì có nghe bà H1 kể lại việc bà H1 có gửi cho bà H2 số tiền 2.500.000 đồng sau đó quy ra thành 05 chỉ vàng 9999 và cho vợ chồng bà H2 mượn 01 đôi bông tai bằng vàng, trọng lượng là 01 chỉ vàng 9999. Việc bà Nguyễn Thị H1 gửi vàng cho bà Nguyễn Thị H2 và cho vợ chồng bà H2 mượn vàng không liên quan đến ông, ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp phát biểu quan điểm về trình tự thủ tục tố tụng: Thẩm phán chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thiết lập hồ sơ và thu thập chứng cứ đúng trình tự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đúng nguyên tắc, người tham gia tố tụng chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 235 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 275, khoản 1 Điều 276, Điều 351, Điều 356, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 25, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H1 đối với bà Nguyễn Thị H2 về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H2 phải trả 05 chỉ vàng 9999.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H1 đối với bà Nguyễn Thị H2 về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H2 phải trả 01 chỉ vàng 9999.

Buộc bà Nguyễn Thị H2 và ông Lê Văn S phải trả cho bà Nguyễn Thị H1 01 chỉ vàng 9999.

Buộc bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị H2 và ông Lê Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và lời khai của bà Nguyễn Thị H1, về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H2 trả 06 chỉ vàng 9999, trong đó 05 chỉ vàng 9999 do bà H1 gửi cho bà H2 số tiền 2.500.000 đồng sau đó quy ra thành vàng, 01 chỉ vàng 9999 bà H1 cho ông S mượn. Tuy nhiên, khi thụ lý vụ án Tòa án chỉ xác định một quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là còn thiếu, chưa đúng với bản chất của tranh chấp giữa các đương sự nên Hội đồng xét xử cần bổ sung thêm quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng gửi tài sản*” cho phù hợp với quy định của pháp

luật. Bà Nguyễn Thị H2 là bị đơn trong vụ án có địa chỉ trú tại: Thôn 09, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H1; căn cứ vào tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1]. Đối với nội dung bà Nguyễn Thị H1 khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H2 trả 05 chỉ vàng 9999 (Do bà H1 gửi cho bà H2 số tiền 2.500.000 đồng sau đó quy ra thành vàng); bà Nguyễn Thị H2 cho rằng bà H1 không gửi tiền hay gửi vàng gì cho bà. Trong quá trình giải quyết vụ án bà H1 cung cấp cho Tòa án một file ghi âm và bà cho rằng giọng nói trong file ghi âm là của bà Nguyễn Thị H2 và ông Lê Văn S, bà H1 cho rằng nội dung file ghi âm thể hiện việc bà H2, ông S thừa nhận bà có gửi 05 chỉ vàng 9999, tuy nhiên khi Tòa án ban hành Quyết định trưng cầu giám định đối với file ghi âm do bà Nguyễn Thị H1 cung cấp thì bà H1 cho rằng không cần thiết phải tiến hành giám định và không nộp chi phí tố tụng để thực hiện việc giám định. Như vậy, bà Nguyễn Thị H1 không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho việc bà H1 có gửi 2.500.000 đồng cho bà H2 sau đó quy ra thành 05 chỉ vàng 9999.

Căn cứ theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”.

[2.2]. Đối với nội dung bà Nguyễn Thị H1 khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H2 trả 01 chỉ vàng 9999 bà H1 cho ông S mượn năm 1995; quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị H2 và ông Lê Văn S thừa nhận khoảng tháng 11/1995 ông, bà có mượn của bà Nguyễn Thị H1 01 đôi bông tai bằng vàng nhưng không xác định được đó là loại vàng gì và trọng lượng bao nhiêu, đến tháng 3/1996 ông, bà đã trả 01 đôi bông tai bằng vàng cho bà H1 nhưng ông S, bà H2 không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho việc đã trả 01 đôi bông tai vàng cho bà H1. Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị H2 và ông Lê Văn S thừa nhận đôi bông tai bằng vàng ông, bà mượn của bà H1 có trọng lượng 01 chỉ, là loại vàng 9999. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, có căn cứ khẳng định bà Nguyễn Thị H2 và ông Lê Văn S có mượn của bà Nguyễn Thị H1 01 đôi bông tai bằng vàng, trọng lượng 01 chỉ vàng 9999.

Việc vay vàng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật không trái đạo đức xã hội. Đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý. Tuy nhiên, từ khi nhận được thông báo yêu cầu trả nợ của bà H1 đến nay bà Nguyễn Thị H2 không trả 01 chỉ vàng 9999 cho bà H1 là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466, Điều 469 của Bộ luật Dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định bà Nguyễn Thị H1 khởi kiện bà Nguyễn Thị H2 yêu

cầu bà H2 trả 01 chỉ vàng 9999 là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[2.3]. Trong vụ án này bà Nguyễn Thị H1 không khởi kiện đối với ông Lê Văn S, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án ông S thừa nhận ông và bà Nguyễn Thị H2 có mượn của bà Nguyễn Thị H1 01 đôi bông tai, trọng lượng 01 chỉ, loại vàng 9999 để bán lấy tiền mua ông tưới phục vụ sản xuất trong gia đình. Vì vậy, cần xác định đây là nghĩa vụ chung trong thời kỳ hôn nhân theo quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình, nên cần buộc ông Lê Văn S phải liên đới cùng bà Nguyễn Thị H2 trả 01 chỉ vàng 9999 cho bà Nguyễn Thị H1 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.4]. Ông Ngô Xuân T là chồng của bà Nguyễn Thị H1 nhưng ông T kết hôn với bà H1 sau thời điểm mà bà H1 cho rằng bà gửi vàng cho bà Nguyễn Thị H2 và cho bà Nguyễn Thị H2, ông Lê Văn S mượn vàng; bà H1 khẳng định đây là tài sản riêng của bà; quá trình giải quyết vụ án ông T cho rằng việc gửi vàng và mượn vàng giữa bà H1 với bà H2, ông S không liên quan đến ông nên không có căn cứ làm phát sinh quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với ông Ngô Xuân T nên không đề cập giải quyết.

[2.5]. Theo kết quả xác minh thì giá vàng 9999 trên thị trường ngày 10-5-2023 là 5.680.000 đồng/chỉ (06 chỉ x .680.000 đồng = 34.080.000 đồng). Tổng giá trị của 06 chỉ vàng 9999 là 34.080.000 đồng (*Ba mươi bốn triệu không trăm tám mươi nghìn đồng*).

Từ những phân tích và đánh giá toàn bộ chứng cứ mà các đương sự cung cấp cho Tòa án, Hội đồng xét xử xét thấy:

Không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H1 về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H2 trả 05 chỉ vàng 9999.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H1 về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H2 trả 01 chỉ vàng 9999. Buộc bà Nguyễn Thị H2 và ông Lê Văn S phải trả cho bà Nguyễn Thị H1 01 chỉ vàng 9999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận một phần nên buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận; buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[5]. Xét quan điểm và nội dung đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 274, Điều 275, Điều 276, Điều 351, Điều 356, Điều 463, Điều 466, Điều

469 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 25, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H1 đối với bà Nguyễn Thị H2 về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H2 trả 05 chỉ vàng 9999.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H1 đối với bà Nguyễn Thị H2 về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H2 trả 01 chỉ vàng 9999.

Buộc bà Nguyễn Thị H2 và ông Lê Văn S phải trả cho bà Nguyễn Thị H1 01 chỉ vàng 9999.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H1 phải nộp 1.420.000 đồng (*Một triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 825.000 đồng (*Tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) bà H1 đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004965 ngày 13 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông; bà Nguyễn Thị H1 còn phải nộp số tiền 595.000 đồng (*Năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

Bà Nguyễn Thị H2 và ông Lê Văn S phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND H. Đắk R'lấp;
- Chi cục THADS H. Đắk R'lấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Nguyên

